

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

Số: 3715./QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bà Rịa – Vũng Tàu, ngày 09 tháng 11 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của
dự án Khu dân cư Lan Anh 10 tại xã Đá Bạc, huyện Châu Đức,
tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;

*Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của
Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết,
hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của
Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến
lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31 tháng 12 năm 2019 của
Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều
của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa
đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi
hành Luật bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc
môi trường;*

*Theo đề nghị của Hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi
trường của dự án Khu dân cư Lan Anh 10 tại xã Đá Bạc, huyện Châu Đức, tỉnh
Bà Rịa - Vũng Tàu họp ngày 28 tháng 5 năm 2021;*

*Xét nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Khu dân
cư Lan Anh 10 tại xã Đá Bạc, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đã được
chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm văn bản số 05/CV-ĐTMM đề ngày 05 tháng 10 năm
2021 của Công ty TNHH Một thành viên Lan Anh;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số
...7288./TTr-STNMT ngày ..28.. tháng ..10.. năm 2021.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự
án Khu dân cư Lan Anh 10 do Công ty TNHH Một thành viên Lan Anh làm Chủ
đầu tư (sau đây gọi là Chủ đầu tư dự án), được thực hiện tại xã Đá Bạc, huyện

Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu với các nội dung chính tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Trách nhiệm của Chủ đầu tư dự án

1. Niêm yết công khai quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định pháp luật.

2. Thực hiện nghiêm túc nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

Điều 3. Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường của dự án.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nội dung bảo vệ môi trường trong báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Quyết định này.

2. Giao Ủy ban nhân dân huyện Châu Đức chỉ đạo Phòng Tài nguyên và Môi trường và Ủy ban nhân dân xã Đá Bạc theo dõi, giám sát việc thực hiện các cam kết bảo vệ môi trường, quản lý chất thải của Chủ đầu tư dự án trong quá trình triển khai thực hiện nhằm bảo đảm không gây ảnh hưởng tiêu cực đến các đối tượng xung quanh.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 6. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Châu Đức; Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Chủ đầu tư dự án và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 6;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (để b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Cty TNHH MTV Lan Anh - Chủ dự án;
- UBND xã Đá Bạc;
- Lưu: VT, HS, KT7. (6)

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Công Vinh



Phụ lục

CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN KHU DÂN CƯ LAN ANH 10 TẠI XÃ ĐÁ BẠC, HUYỆN CHÂU ĐỨC, TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

(Kèm theo Quyết định số 374.HĐ./QĐ-UBND ngày 09 tháng 11 năm 2021 của
Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu)

1. Thông tin về dự án

1.1. Tên dự án: Khu dân cư Lan Anh 10.

1.2. Chủ dự án

- Tên chủ dự án: Công ty TNHH MTV Lan Anh.

- Địa chỉ liên hệ: Số 01, đường Võ Văn Kiệt, ấp Tây, xã Hòa Long, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Điện thoại: 0254.3742921.

- Người đại diện: Bà Nguyễn Nam Phương; Chức vụ: Tổng giám đốc.

1.3. Phạm vi, quy mô, công suất dự án

Đầu tư xây dựng Khu dân cư Lan Anh 10 tại xã Đá Bạc, huyện Châu Đức với diện tích khoảng 92.424 m².

1.4. Các hạng mục công trình của dự án

1.4.1. Cơ cấu sử dụng đất của dự án

STT	Loại đất	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)
1	Đất khu ở	58.526	63,32
2	Đất cây xanh - mặt nước	5.426	5,87
3	Đất hạ tầng kỹ thuật	1.065	1,15
4	Đất giao thông	27.407	29,66
	Tổng cộng	92.424	100,0

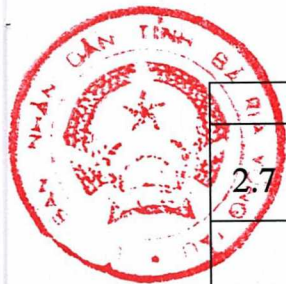
1.4.2. Các hạng mục công trình chính của dự án

TT	Loại đất/KH	Diện tích (m ²)	Mật độ XD (%)	Số lượng (lô/căn)	Tầng cao	Tỷ lệ (%)	Ghi chú
1	Công trình chính	58.526				63,32	
1.1	Biệt thự vườn (NV)	43.006		286		46,53	Phân lô bán nền
-	NV1	2.967	80	20	2		
-	NV2	5.866	80	39	2		
-	NV3	5.352	80	37	2		



	NV4	4.081	80	25	2		
	NV5	3.715	80	26	2		
	NV6	3.961	80	27	2		
-	NV7	3.149	80	21	2		
-	NV8	3.210	80	20	2		
-	NV9	3.007	80	19	2		
-	NV10	4.333	80	31	2		
-	NV11	2.607	80	17	2		
-	NV12	758	80	4	2		
1.2	Khu hỗn hợp (CC)	15.520	60	480	6	16,79	
-	Chung cư A	2.107		150			
-	Chung cư B	2.269		180			
-	Chung cư C	2.107		150			
-	Nhà xe 1	652					
-	Nhà xe 2	173					
-	Nhà xe 3	132					
1.3	Khuôn viên sân bãi, cây xanh, giao thông nội bộ	8.080					
2	Công trình phụ trợ						
2.1	Cây xanh - mặt nước (CX)	5.426				5,87	
-	CX1	853	5		1		
-	CX2	579	5		1		
-	CX3	582	5		1		
-	CX4	3.169	5		1		
-	CX5	243	5		1		
2.2	Hệ thống giao thông	27.407				29,65	
2.3	Cấp điện						
2.4	Cấp nước						
2.5	Hệ thống thông tin liên lạc						
2.6	Hệ thống thu gom						

Xây dựng hoàn thiện



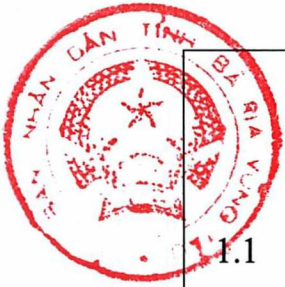
	thoát nước thải					
2.7	Hệ thống thu gom thoát nước mưa					
2.8	Hồ chứa nước tưới cây/hồ cảnh quan 400 m ³			01 hồ		
3	Công trình bảo vệ môi trường					
3.1	Hệ thống xử lý mùi tại hệ thống xử lý nước thải công suất 1.800 m ³ /h			1 hệ thống		
3.2	Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 400m ³ /ngày đêm	1.065	60	1 hệ thống		
3.3	Hồ ứng phó sự cố nước thải dung tích 400 m ³			01 hồ		
3.4	Kho lưu giữ chất thải nguy hại 10 m ²			03 kho		
3.5	Các công trình bảo vệ môi trường giai đoạn thi công					
-	Thùng rác 240 lít			06 cái		
-	Nhà vệ sinh di động			03 cái		
-	Hệ thống thu gom nước thải xây dựng					
	Tổng cộng	92.424				100,0

Các thông tin về dự án nêu trên căn cứ theo nội dung mô tả trong báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án. Chủ đầu tư dự án chịu trách nhiệm về những thông tin, số liệu đã nêu trong báo cáo ĐTM; thực hiện thi công xây dựng dự án theo đúng thiết kế, phương án thi công, ... được các cơ quan có thẩm quyền thẩm định/phê duyệt theo quy định.

2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh từ dự án

2.1. Các tác động môi trường chính của dự án

TT	Chất ô nhiễm	Nguồn phát sinh
I	Giai đoạn thi công xây dựng	
1	Nguồn tác động liên quan đến chất thải	



1.1	Bụi, khí thải, mùi hôi	<ul style="list-style-type: none"> - Bụi phát sinh từ hoạt động phát quang, san lấp mặt bằng. - Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của phương tiện vận chuyển nhiên, nguyên liệu xây dựng. - Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động xây dựng công trình; hoạt động của thiết bị thi công. - Mùi hôi phát sinh từ khu vực tập kết rác thải sinh hoạt, nhà vệ sinh công cộng của công nhân.
1.2	Nước thải	<ul style="list-style-type: none"> - Nước thải sinh hoạt từ các hoạt động của công nhân thi công. - Nước thải hoạt động vệ sinh, sửa chữa máy móc thiết bị thi công.
1.3	Chất thải rắn	<ul style="list-style-type: none"> - Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của công nhân xây dựng. - Chất thải rắn xây dựng: xà bần, gỗ, sắt thép vụn thải, xác thực vật,...
1.4	Chất thải nguy hại	<ul style="list-style-type: none"> - Chất thải nguy hại: giẻ lau dính dầu, ắc quy thải, thùng sơn thải...
2	Nguồn tác động không liên quan đến chất thải	
2.1	Tiếng ồn, độ rung	<ul style="list-style-type: none"> - Tiếng ồn và độ rung phát sinh từ hoạt động của máy móc thi công và các phương tiện vận chuyển trong giai đoạn thi công. - Tiếng ồn phát sinh từ hoạt động xây dựng công trình.
II	Giai đoạn hoạt động	
1	Nguồn tác động có liên quan đến chất thải	
1.1	Bụi, khí thải, mùi hôi	<ul style="list-style-type: none"> - Bụi phát sinh từ hoạt động giao thông nội bộ. - Bụi, khí thải từ các phương tiện giao thông. - Khí thải từ hoạt động đun nấu của người dân. - Khí thải phát sinh khi chạy máy phát điện dự phòng. - Mùi hôi từ khu vực lưu giữ chất thải khu chung cư, hệ thống xử lý nước thải, hệ thống hồ ga thoát nước.
1.2	Nước thải	<ul style="list-style-type: none"> - Nước thải sinh hoạt của người dân, khu công cộng.
1.3	Chất thải rắn	<ul style="list-style-type: none"> - CTR sinh hoạt của người dân, khu dịch vụ, nhà trẻ. - Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải.
1.4	Chất thải	<ul style="list-style-type: none"> - CTNH phát sinh từ khu dân cư, khu dịch vụ: bóng đèn



	nguy hại	huỳnh quang thải, giẻ lau dính dầu, pin, ắc quy thải...
2	Nguồn tác động không liên quan đến chất thải	
2.1	Tiếng ồn	<ul style="list-style-type: none"> - Tiếng ồn từ hoạt động của máy phát điện dự phòng. - Tiếng ồn từ hoạt động của phương tiện giao thông ra vào khu dân cư. - Tiếng ồn từ hoạt động sinh hoạt của cộng đồng dân cư.
2.2	Sự cố	- Sự cố hệ thống xử lý nước thải.

2.2. Quy mô, tính chất của nước thải

2.2.1. Giai đoạn chuẩn bị mặt bằng, xây dựng

- Nước thải sinh hoạt phát sinh khoảng 2,5m³/ngày đêm. Thành phần chủ yếu chứa các chất cặn bã, chất lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ (BOD/COD), các chất dinh dưỡng (N, P) và vi sinh vật gây bệnh,....

- Nước thải xây dựng phát sinh từ quá trình vệ sinh máy móc, thiết bị, trộn rửa bê tông với lưu lượng khoảng 10 m³/ngày. Thông số ô nhiễm đặc trưng của nước thải: chất rắn lơ lửng (SS),...

2.2.2. Giai đoạn hoạt động

Nước thải sinh hoạt người dân sinh sống tại khu dân cư phát sinh khoảng 306,4 m³/ngày đêm. Thành phần nước thải phát sinh chủ yếu chứa các chất cặn bã, các chất lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ (BOD/COD), các chất dinh dưỡng (N, P), các chất hoạt động bề mặt và vi sinh vật gây bệnh...

2.3. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải

2.3.1. Giai đoạn chuẩn bị mặt bằng, xây dựng

Bụi và khí thải phát sinh chủ yếu từ các hoạt động vận chuyển máy móc, nguyên vật liệu; các hoạt động đào đắp, san nền; hoạt động của máy móc phục vụ thi công. Thông số ô nhiễm đặc trưng: Bụi, SO₂, NO_x, CO,...

2.3.2. Giai đoạn hoạt động

- Khí thải từ các hoạt động giao thông vận tải. Thông số ô nhiễm đặc trưng như: bụi, SO_x, NO_x...

- Mùi hôi do phân hủy nước thải tại các hố ga, khu vệ sinh, hệ thống xử lý nước thải... Thông số ô nhiễm đặc trưng: Amoniac, H₂S, mercaptan...

- Mùi sinh ra các hoạt động nấu ăn; khí thải từ máy phát điện dự phòng.

2.4. Quy mô, tính chất của chất thải rắn thông thường

2.4.1. Giai đoạn chuẩn bị mặt bằng, xây dựng



- Chất thải xây dựng từ các hoạt động thi công, vận chuyển nguyên vật liệu, xây dựng các hạng mục công trình bao gồm xi măng, cát đá rơi vãi, vữa, ván gỗ, sắt,...

- Chất thải sinh hoạt từ hoạt động của công nhân thi công khoảng 15 - 25 kg/ngày. Thành phần: thực phẩm thừa, bao nylon, vỏ lon, chai lọ thủy tinh,...

2.4.2. Giai đoạn hoạt động

Chất thải rắn sinh hoạt từ hoạt động của 3.064 người dân sinh sống tại khu dân cư, tổng khối lượng khoảng 2.550,2kg/ngày. Thành phần chủ yếu: thức ăn thừa, bao nylon, thùng carton,...

2.5. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại

2.5.1. Giai đoạn chuẩn bị mặt bằng, xây dựng

Chất thải nguy hại phát sinh trong giai đoạn thi công chủ yếu do vệ sinh, bảo trì, bảo dưỡng máy thi công phát sinh khoảng 61 - 87kg/tháng. Thành phần: giẻ lau dính dầu mỡ, bao bì đựng sơn,...

2.5.2. Giai đoạn hoạt động

Chất thải nguy hại phát sinh từ người dân, khu dịch vụ công cộng phát sinh khoảng 320 kg/năm. Thành phần: bóng đèn huỳnh quang, bình xịt côn trùng, pin, ắc quy thải, thiết bị điện, điện tử thải....

2.6. Quy mô, tính chất các tác động môi trường khác

Tiếng ồn, độ rung từ hoạt động của phương tiện giao thông, máy móc, thiết bị,...

3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án

3.1. Đối với nước thải

3.1.1. Giai đoạn chuẩn bị mặt bằng, xây dựng

- Nước thải sinh hoạt: Chủ dự án trang bị 03 nhà vệ sinh di động cho công nhân, chất thải từ nhà vệ sinh di động thuê đơn vị có chức năng trên địa bàn thu gom, xử lý định kỳ theo quy định.

- Nước thải xây dựng: nước thải từ khu rửa, trộn vật liệu được dẫn vào hệ thống thu gom tạm, xử lý qua hố lắng để lắng cặn trước khi thoát ra ngoài môi trường.

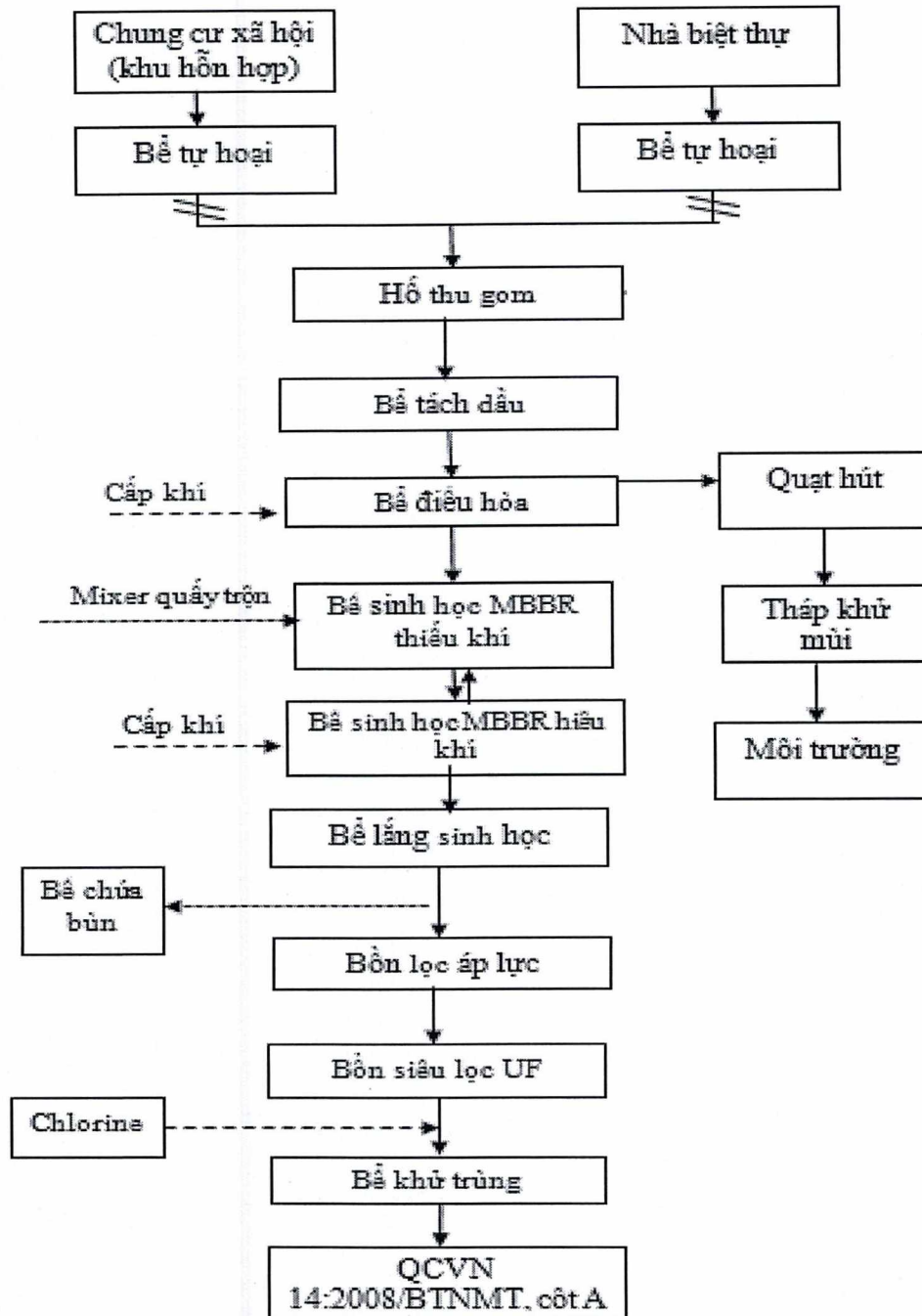
3.1.2. Giai đoạn hoạt động

Nước thải sinh hoạt sau khi xử lý sơ bộ qua bể tự hoại được thu gom, xử lý tại hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 400m³/ngày đêm đạt quy chuẩn QCVN 14:2008/BTNMT (cột A), được tái sử dụng một phần để tưới cây trong khuôn viên dự án, phần còn lại xả thải ra suối Đá Bàng tuân thủ theo đúng quy định tại Quyết định số 43/2011/QĐ-UBND ngày 23/8/2011 của UBND tỉnh ban hành Quy định về phân vùng phát thải khí thải, xả nước thải theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường trên địa bàn tỉnh và Quyết định số 1655/QĐ-



UBND ngày 12/4/2021 của UBND huyện Châu Đức phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu dân cư Lan Anh 10.

Sơ đồ công nghệ hệ thống xử lý nước thải của dự án như sau:



3.2. Đối với bụi, khí thải

3.2.1. Giai đoạn chuẩn bị mặt bằng, xây dựng

- Xe vận chuyển nguyên vật liệu không được chở quá tải, sử dụng các xe có nắp để vận chuyển; trường hợp xe không có nắp, sẽ sử dụng bạt để che vật liệu, bạt sử dụng là vải bạt dầu được buộc chặt vào thành xe để bạt không bay.



- Nguyên vật liệu trong khu vực dự án được phủ kín hạn chế gió phát tán bụi vào môi trường.

- Lắp đặt hàng rào bằng tôn cao 2,3m cục bộ tại các vị trí xây dựng gần khu dân cư hạn chế bụi, ồn khi thi công phát tán ra bên ngoài.

- Thực hiện phun nước làm ẩm giảm bụi khi thi công tại các vị trí (cửa ra vào dự án; bãi tập kết vật liệu rời và mặt bằng dự án khi thực hiện đào đắp san gạt mặt bằng để hạn chế phát tán bụi). Tần suất tưới nước, những ngày trời hanh, khô và nắng nóng, tối thiểu mỗi ngày 02 lần. Sử dụng xe chuyên dụng với dung tích 5m³.

- Làm sạch đường khu vực gần các cửa ra vào khu vực thi công; các phương tiện trước khi vào tuyến vận chuyển sẽ được làm sạch bùn đất bám tại lốp xe tại cửa ra bằng phương pháp cơ học.

- Trang bị đồ bảo hộ cho công nhân thi công hạn chế tác hại của bụi cho sức khỏe.

- Không tập trung đông số lượng phương tiện, máy móc, thiết bị cùng hoạt động trong cùng một thời điểm, cùng một vị trí để làm gia tăng nồng độ các chất ô nhiễm trong khí thải vào môi trường không khí.

- Các thiết bị, máy móc thi công phải được kiểm định của Sở Giao thông vận tải, đồng thời sử dụng nhiên liệu thân thiện với môi trường.

3.2.2. Giai đoạn hoạt động

Giảm thiểu bụi, khí thải từ phương tiện giao thông

- Trồng cây xanh dọc các tuyến đường giao thông khu dân cư, khu công viên, bãi đất trống nhằm cải thiện điều kiện vi khí hậu khu dân cư.

- Đặt biển báo hạn chế tốc độ khi các xe lưu thông trong khuôn viên khu dân cư (<40 km/h).

- Khuyến khích người dân điều khiển phương tiện giao thông đã qua kiểm định chất lượng; thực hiện nghiêm các quy định về an toàn giao thông đường bộ.

- Bãi giữ xe được bố trí thông thoáng, trồng cây xanh xung quanh và có biển báo quy định rõ vị trí xe ra vào bãi đậu xe tại khu hỗn hợp.

Giảm thiểu mùi hôi tại khu lưu chứa rác, hố ga, hệ thống xử lý nước thải

- Khu dân cư không bố trí trạm lưu chứa, trung chuyển rác thải tập trung. Tại nhà dân bố trí các thùng chứa rác chuyên dụng có nắp đậy, quy định giờ thu gom rác; không xả rác bừa bãi khu vực công cộng.

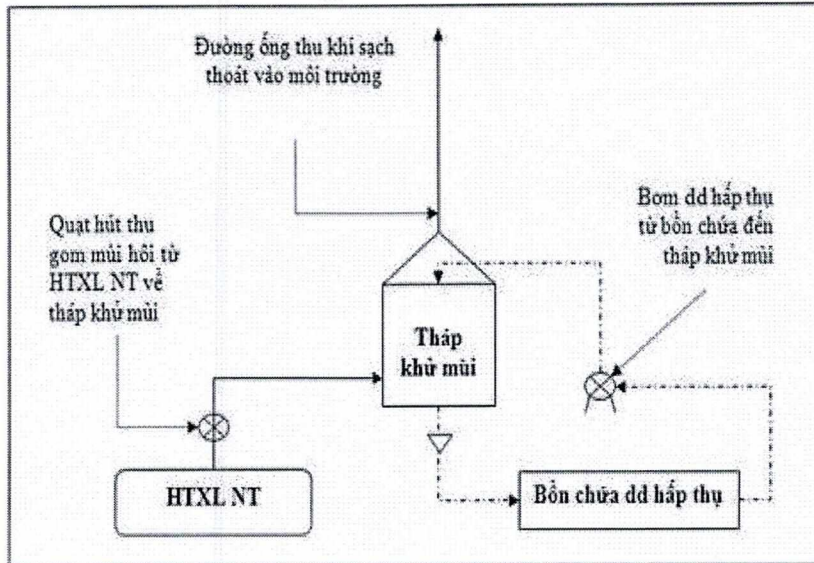
- Hệ thống thu gom nước thải bố trí đường ống ngầm, hố ga có nắp đậy hạn chế phát tán mùi hôi khu vực xung quanh. Thực hiện nạo vét bùn cặn định kỳ đưa đi xử lý theo đúng quy định.

- Hệ thống xử lý nước thải đặt tại vị trí cách xa khu nhà ở của dân và các công trình dịch vụ. Trồng cây xanh cách ly xung quanh hệ thống xử lý nước thải tập trung, bể xử lý được xây dựng ngầm, có nắp kín, chống thấm.



- Lắp đặt 01 hệ thống xử lý mùi hôi bằng tháp khử mùi cho hệ thống xử lý nước thải công suất 1.800m³/h (công suất quạt hút).

Sơ đồ hệ thống xử lý mùi cho hệ thống xử lý nước thải



Giảm thiểu khí thải từ máy phát điện

Kiểm soát khí thải máy phát điện dự phòng tại các khu chung cư như sau:

- Bố trí phòng chứa máy phát điện nằm bên ngoài khối chung cư.
- Gắn ống dẫn khói xả giảm âm hướng khí thải lên trên mái không gây ảnh hưởng tới sức khỏe người dân tại khu dân cư.

3.3. Đối với chất thải rắn thông thường

3.3.1. Giai đoạn chuẩn bị mặt bằng, xây dựng

- Chất thải sinh hoạt của công nhân xây dựng được thu gom bằng các thùng chứa rác có nắp đậy kín, hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom và xử lý theo quy định; tần suất thu gom 01 lần/ngày.

- Chất thải xây dựng: Đối với đất đào móng sẽ tận dụng toàn bộ lượng đất này để lấp hố móng và san ủi các điểm trũng trong dự án; các loại vôi, vữa, gạch vỡ, vữa bê tông rơi vãi,... không nguy hại được tận dụng cho quá trình san lấp mặt bằng trong dự án; các phế liệu như giấy, sắt thép, nhựa, gỗ,... được thu gom, chuyển cho đơn vị chức năng theo quy định.

3.3.2. Giai đoạn hoạt động

- Đối với rác thải từ khu biệt thự: Các hộ dân tự trang bị thùng lưu chứa rác riêng, hàng ngày vào giờ quy định mới đưa rác để chuyển giao cho đơn vị thu gom đưa đi xử lý theo đúng quy định. Tần suất thu gom.

- Đối với rác thải khu công cộng: Bố trí các thùng thu gom rác có nắp đậy ở các khu vực công cộng, lắp đặt các biển báo không xả rác bừa bãi trên đường phố, công viên,...



- Đối với khu hỗn hợp: Khu chung cư bố trí phòng phân loại và thu gom rác tại mỗi tầng có cửa đóng kín và dán nhãn theo quy định. Rác thải được tập trung kho chứa rác đặt tại tầng 1 của mỗi khu, cách xa khu dịch vụ và căn hộ. Rác hàng ngày sẽ được nhân viên vệ sinh chuyên giao cho đơn vị thu gom và đưa đi xử lý theo đúng quy định.

Ngoài ra, Ban quản lý khu dân cư phối hợp với chính quyền địa phương xây dựng, phổ biến các quy định, quy chế về an toàn vệ sinh môi trường văn minh tại khu dân cư đến cộng đồng dân cư như: Thực hiện phân loại rác tại nguồn, quy định về thời gian và vị trí tập kết rác,... các chế tài xử phạt vi phạm về quy định an toàn vệ sinh môi trường.

3.4. Đối với chất thải nguy hại

3.4.1. Giai đoạn chuẩn bị mặt bằng, xây dựng

- Hoạt động bảo dưỡng, sửa chữa máy móc thi công được đưa ra các gara nằm trên địa bàn xã; hạn chế tối đa việc sửa chữa máy móc tại khu vực dự án.

- Xây dựng kho chứa CTNH tạm thời trong thời gian thi công, vị trí đặt nhà kho được bố trí trên nền đất bằng phẳng, cuối khu đất dự án; khu vực lưu chứa có mái che mưa, che nắng, tráng vữa chống thấm nước.

- Bố trí 02 thùng chứa CTNH dung tích 240 lít có nắp đậy (01 thùng chứa giẻ lau dính dầu mỡ, 01 thùng có nắp đậy để chứa chất thải lỏng như: dầu nhớt thải, dung môi thải). Các thùng chứa, bao bì đựng sơn được thu gom và tập trung gọn tại khu vực lưu chứa CTNH tạm khu vực thi công. Chủ dự án sẽ chuyển giao cho đơn vị có chức năng đến thu gom và đưa đi xử lý theo đúng quy định tại Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại.

3.4.2. Giai đoạn hoạt động

- Khuyến khích người dân thực hiện phân loại chất thải nguy hại.

- Đối với khu hỗn hợp: Chủ dự án bố trí 03 kho lưu giữ CTNH (mỗi kho diện tích 10 m²) tại khu vực tầng 1 của mỗi khối chung cư. Thực hiện ký hợp đồng chuyển giao chất thải nguy hại với đơn vị có chức năng để thu gom, đưa đi xử lý theo đúng quy định tại Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại. Định kỳ chuyển giao xử lý 06 tháng/lần.

3.5. Đối với tiếng ồn, độ rung

3.5.1. Giai đoạn chuẩn bị mặt bằng, xây dựng

- Bố trí thời gian làm việc hợp lý, hạn chế vận chuyển vật liệu trên các tuyến giao thông vào giờ cao điểm; ngoài ra, các máy móc thiết bị có tiếng ồn lớn sẽ không vận hành sau 20 giờ đêm.

- Định kỳ bảo dưỡng máy móc thiết bị thi công, hạn chế vận hành cùng lúc nhiều máy móc thi công tránh gây cộng hưởng tiếng ồn.



- Trang bị đầy đủ đồ bảo hộ lao động cho công nhân thi công (nút bịt tai, chụp tai...).
- Kiểm tra mức ồn trong khu vực thi công để bố trí lịch thi công cho phù hợp và đạt mức độ ồn cho phép.

3.5.2. Giai đoạn hoạt động

- Trồng nhiều cây xanh dọc các tuyến đường giao thông nội bộ, khu cảnh quan góp phần hạn chế tiếng ồn.
- Máy phát điện dự phòng được đặt nhà riêng, lắp đặt hệ thống tiêu âm.
- Khuyến khích người dân sử dụng phương tiện giao thông đã được kiểm định chất lượng; thực hiện đúng các quy định về an toàn giao thông đường bộ.

3.6. Công trình, biện pháp phòng ngừa ứng phó sự cố môi trường

Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố của hệ thống xử lý nước thải:

- Hướng dẫn và đảm bảo khả năng đảm nhận của người vận hành các công trình xử lý nước thải.
- Bảo đảm vận hành, bảo trì hệ thống theo quy trình đã được hướng dẫn.
- Lập hồ sơ giám sát kỹ thuật các công trình đơn vị để theo dõi sự ổn định của hệ thống, đồng thời cũng là tạo ra cơ sở để phát hiện sự cố sớm nhất.
- Kiểm tra quá trình thu gom nước thải của tuyến thu gom nhằm kịp thời khắc phục thay thế kịp thời các vị trí bị rò rỉ nước thải.
- Sau khi khắc phục sự cố, bơm nước vận hành thử hệ thống xử lý; nhận biết chất lượng nước bằng cảm quan (màu sắc, độ đục) và kiểm tra, phân tích một số thông số ô nhiễm thông thường (nếu có điều kiện). Nếu hệ thống vận hành bình thường và chất lượng nước sau xử lý đạt giới hạn yêu cầu, bơm nước tiếp tục quá trình xử lý, vận hành hệ thống theo các nguyên tắc đã đề ra. Hồ sự cố có dung tích 400 m³ đặt gần trạm xử lý nước thải tập trung.

Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố của hệ thống xử lý khí thải

- Tuân thủ nghiêm ngặt chương trình vận hành và bảo dưỡng thiết lập cho hệ thống xử lý khí thải.
- Thường xuyên kiểm tra thay thế các vật liệu lọc, bảo dưỡng thiết bị đường ống theo đúng định kỳ.
- Khi gặp phải sự cố hệ thống khí thải xử lý không đạt thì chủ dự án phải tạm thời dừng vận hành trạm xử lý nước thải để sửa chữa hệ thống khí thải trong thời gian nhanh nhất sau đó vận hành lại toàn bộ trạm.

Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện các biện pháp phòng ngừa, ứng phó các rủi ro, sự cố (an toàn lao động, cháy nổ,...) theo đúng các quy định liên quan.



4. Danh mục công trình bảo vệ môi trường chính của dự án

STT	Các hạng mục công trình BVMT	Đơn vị	Số lượng	Bố trí
I	Giai đoạn chuẩn bị và xây dựng			-
1	Thùng rác 240 lít	Cái	06	Đặt tại khu vực lưu chứa CTR công trường xây dựng.
2	Nhà vệ sinh di động	Cái	03	Đặt tại khu vực gần lán trại công nhân.
3	Hệ thống thu gom nước thải xây dựng	-	-	Mặt bằng thi công
II	Giai đoạn hoạt động			
1	Hệ thống xử lý mùi tại hệ thống xử lý nước thải công suất 1.800 m ³ /h	Hệ thống	01	Khu xử lý nước thải
2	Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 400m ³ /ngày đêm	Hệ thống	01	Khu xử lý nước thải
3	Hồ ứng phó sự cố nước thải dung tích 400 m ³	Hồ	01	Khu xử lý nước thải
4	Kho lưu giữ chất thải nguy hại diện tích 10 m ²	Kho	3	Khu hỗn hợp/khối chung cư

5. Chương trình giám sát môi trường

5.1. Giám sát trong giai đoạn thi công xây dựng

STT	Tên chất thải	Tần suất giám sát	Vị trí giám sát	Thông số giám sát/QCVN
1	Chất lượng không khí	03 tháng/lần	03 vị trí: - Khu vực cổng vào dự án. - Khu vực công trường thi công. - Khu vực dự án gần nhà dân.	- Bụi, độ ồn, độ rung, SO ₂ , NO _x , CO. - QCVN05:2013/BTNMT; - QCVN 26:2010/BTNMT; - QCVN 27:2010/BTNMT.
2	Chất thải nguy hại	Thường xuyên	Khu vực tập kết chất thải	- Khối lượng, chủng loại. - Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT.

5.2. Giám sát trong giai đoạn vận hành thử nghiệm

Thực hiện việc giám sát chất thải trong giai đoạn vận hành thử nghiệm theo quy định tại Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường.

5.3. Giám sát trong giai đoạn hoạt động

TT	Tên chất thải	Tần suất giám sát	Vị trí giám sát	Thông số giám sát/QCVN
1	Khí thải	03 tháng/lần	02 vị trí: - Tại ống khí thải đầu ra của hệ thống xử lý mùi hôi hệ thống xử lý nước thải.	- H ₂ S, NH ₃ , Mercaptan. - QCVN 19:2009/BTNMT; QCVN 20:2009/BTNMT.
			- Tại ống khói máy phát điện (khi vận hành).	- Độ ồn, SO ₂ , NO _x , CO. - QCVN 05:2013/BTNMT; QCVN 26:2010/BTNMT.
2	Nước thải	03 tháng/lần	02 vị trí: - Bể khử trùng sau hệ thống xử lý nước thải. - Hồ chứa nước thải sau xử lý (trước khi xả thải)	- pH, BOD ₅ , TSS, Tổng chất rắn hòa tan, Sunfua, Amoni, Nitrat, Dầu mỡ động, thực vật; Tổng các chất hoạt động bề mặt; Phosphat; Tổng Coliform. - QCVN 14:2008/BTNMT, cột A.
3	Chất thải nguy hại	Thường xuyên	Khu vực tập kết chất thải nguy hại	- Khối lượng, chủng loại. - Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT.
4	Chất thải rắn thông thường	Thường xuyên	Khu vực tập kết chất thải rắn	Khối lượng, chủng loại. - Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT và Nghị định số 38/2015/NĐ-CP.





6. Các điều kiện có liên quan đến môi trường

Chủ dự án phải thực hiện các yêu cầu sau:

6.1. Thực hiện nghiêm Luật Bảo vệ môi trường, Luật Đất đai, Luật Tài nguyên nước và các quy định khác của pháp luật Việt Nam. Chủ dự án phải chịu trách nhiệm về những thông tin, số liệu đã nêu trong hồ sơ báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án.

6.2. Triển khai thực hiện dự án theo đúng quyết định phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 của UBND huyện Châu Đức và tiến độ, thiết kế, phương án thi công,... được các cơ quan có thẩm quyền thẩm định/phê duyệt theo quy định.

6.3. Trong quá trình xây dựng và hoạt động của dự án không được lấn dòng, làm cản trở dòng chảy của suối Đá Bàn; kiểm tra, giám sát triệt để hoạt động dự án bảo đảm không gây tác động tiêu cực đến môi trường, đến an toàn các hạng mục công trình dự án và các đối tượng xung quanh khác, đặc biệt là các nguồn nước, hồ chứa nước sinh hoạt (suối Đá Bàn, hồ Đá Bàn,...).

6.4. Không được vận chuyển đất, đá dôi dư ra khỏi khu vực dự án khi chưa có sự đồng ý bằng văn bản của cơ quan có thẩm quyền. Thực hiện vận chuyển, đổ thải chất thải rắn xây dựng phát sinh trong quá trình thi công dự án theo quy định pháp luật hiện hành và phương án, vị trí, địa điểm được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận.

6.5. Chỉ được đi vào vận hành sau khi đầu tư hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường theo đúng quy định.

6.6. Thực hiện nghiêm túc trách nhiệm của chủ dự án sau khi báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt quy định tại khoản 7 Điều 1 Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và các quy định có liên quan.

6.7. Thực hiện tuân thủ Quyết định số 43/2011/QĐ-UBND ngày 23/8/2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu ban hành Quy định về phân vùng phát thải khí thải, xả nước thải theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường trên địa bàn tỉnh.

6.8. Lập và gửi kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải của dự án cho Sở Tài nguyên và Môi trường và Ủy ban nhân dân tỉnh trước ít nhất 20 ngày làm việc, kể từ ngày bắt đầu vận hành thử nghiệm.

6.9. Lập hồ sơ đề nghị kiểm tra, xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường theo quy định.

6.10. Trong trường hợp xảy ra sự cố môi trường, phải lập tức dừng ngay mọi hoạt động, báo cáo UBND xã Đá Bạc, UBND huyện Châu Đức, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Xây dựng; kịp thời ứng phó sự cố, khắc phục hậu quả và đền bù mọi thiệt hại xảy ra đối với các đối tượng bị tác động bởi hoạt động của dự án.



6.11. Thực hiện chương trình giám sát, quản lý môi trường đúng theo nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt. Định kỳ báo cáo tình hình thực hiện công tác bảo vệ môi trường về Sở Tài nguyên và Môi trường để kiểm tra, giám sát theo đúng quy định.

6.12. Định kỳ 06 tháng/lần báo cáo tiến độ triển khai thực hiện dự án về Sở Tài nguyên và Môi trường để theo dõi, giám sát.